TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 315/2022/HC-PT
Ngày 01-8-2022
V/v: khiếu kiện
quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: bà Lê Thị Thúy Bình;
ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: bà Nguyễn Thị Thu B - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 65/2022/TLPT-HC ngày 19 tháng 3 năm 2022 về khiếu kiện quyết định hành chính, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 11/2021/HC-ST ngày 05-10-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6417/2022/QĐ-PT ngày 15-7-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Tiến T sinh năm 1981; trú tại: khu phố N, thị trấn HT, Huyện Y, tỉnh H; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Việt B sinh năm 1975; trú tại: khu phố N, thị trấn HT, Huyện Y, tỉnh H; có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp: ông Quách Tất L - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: ông Lưu Văn T - Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lí tỉnh H; có mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp: ông Bùi Văn H - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Dũng T - Văn phòng luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh H; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp: ông Quách Tất L - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân Huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp: ông Bùi Văn H - Phó Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Huyện Y.

- Công ty TNHH MTV 2-9 H.

- Bà Trần Thị A, các chị Nguyễn Thị Thu B, Đoàn Thị C và anh Hứa Minh D; đều trú tại: khu phố 1, thị trấn HT, Huyện Y, tỉnh H. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Việt B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện - ông Nguyễn Tiến T trình bày: ngày 01-8-2008 gia đình ông và Nông trường 2/9 H (nay là Công ty TNHH MTV 2/9 H) ký hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, diện tích đất giao khoán là 2290 m^2 là đất quy hoạch trồng chè, thời gian giao khoán là 30 năm đối với đất trồng cây lâu năm, 20 năm đối với đất trồng cây hàng năm.

Ngày 29-6-2011, Ủy ban nhân dân (UBND) Huyện Y đã ban hành Thông báo số 147/TB-UBND thông báo thu hồi đất thực hiện xây dựng khu công nghiệp L, huyện Y. Trong đó diện tích đất bị ảnh hưởng là 113,7 ha (gồm 02 khu đất diện tích 36,3 ha và 77,40 ha) đất do Công ty TNHH MTV 2/9 H quản lý và giao khoán cho các hộ.

Năm 2011, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y lập biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất. Tại biên bản kiểm đếm ngày 06-9-2011 diện tích đất gia đình anh bị thu hồi là 2450,6,1 m^2, tài sản bị thu hồi trên đất là một số cây như sắn, ngô, vải, chè và 1733 cây na dai mới trồng.

Ngày 11-9-2012, UBND tỉnh H đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với khu đất diện tích 36,30 ha tại Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 11-9-2012. Đối với phần diện tích 77,4 ha đất đã kiểm đếm năm 2011, nhưng chưa công khai phương án bồi thường, hỗ trợ.

Tại biểu chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư khu công nghiệp L (khu vực 1, giai đoạn 1) hộ gia đình ông có diện tích đất bị thu hồi là 2469,1 m^2 đơn giá bồi thường là 55.000 đồng/m^2 ; 1733 cây na dai mới trồng đơn giá bồi thường 30.000 đồng/cây và một số cây nông nghiệp khác. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất hệ số 01, ngoài ra không có hỗ trợ gì khác. Tổng số tiền được nhận 289.822.550 đồng.

Ngày 23-12-2016, UBND Huyện Y đã ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 23-12-2016 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng dự án: xây dựng khu công nghiệp L và Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 23-12-2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với khu đất 77,4 ha.

Tại biểu chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư khu công nghiệp L (khu đất 77,4 ha kèm theo biên bản chi trả tiền ngày 10-02-2018) hộ gia đình ông có diện tích đất bị thu hồi là 2.450,6 m^2 đơn giá bồi thường là 60.000 đồng/m^2 ; 1733 cây na dai mới trồng đơn giá bồi thường 5.000 đồng/cây và một số cây nông nghiệp khác. Hỗ trợ ổn định đời sống trong 12 tháng; hỗ trợ ổn định sản xuất là 10% ; hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm là 1 lần giá đất nông nghiệp. Hỗ trợ khác do ngừng sản xuất từ năm 2012 -2016 đơn giá 2.750 đồng/m^2; hệ số 5,0. Tổng số tiền được nhận là 382.098.950 đồng. Ngày 10-02-2018 gia đình ông đã nhận 340.000.000 đồng tiền bồi thường.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện, ông Nguyễn Tiến T có đơn khiếu nại, nội dung:

1. Đề nghị được bồi thường thiệt hại do Công ty TNHH MTV Nông trường 2/9 vi phạm hợp đồng đã ký ngày 01-8-2008; được đền bù thời gian còn lại về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Việc cây na đã được kiểm đếm theo biên bản năm 2011 là 30.000 đồng/ cây; tuy nhiên, năm 2016 lại bị áp giá theo cây trong vườn ươm là 5.000 đồng/ cây, đề nghị được áp giá theo thời điểm năm 2014 với giá 43.000 đồng/cây.

3. Việc tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với mức 1 lần giá đất nông nghiệp là không đúng, đề nghị được hỗ trợ mức 2.5 lần giá đất nông nghiệp.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 10% giá đất là không đúng. Đề nghị được hỗ trợ bằng 100% giá đất cùng loại.

5. Được bồi thường thiệt hại do việc ngừng sản xuất của các lô đất trong năm 2011 đã được phê duyệt đo đạc, kiểm đếm dự án khu công nghiệp L nhưng đến năm 2016 không được Nhà nước thu hồi.

Ngày 01-10-2019, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1913/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tiến T (lần 1), quyết định: thừa nhận nội dung khiếu nại số 5 về việc không được bồi thường do việc ngừng sản xuất của các lô đất trong năm 2011 đã được phê duyệt đo đạc, kiểm đếm dự án khu công nghiệp L nhưng đến năm 2016 không được Nhà nước thu hồi; không thừa nhận các nội dung khiếu nại số 1, 2, 3, 4. Ông T tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh H.

Ngày 31-3-2020, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 692/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tiến T (lần 2). Quyết định: không thừa nhận nội dung khiếu nại số 2,3,4, chấp nhận nội dung khiếu nại số

5; đối với nội dung khiếu nại thứ nhất: đề nghị hộ ông T có đơn khởi kiện ra Tòa án để được giải quyết theo quy định. Giao UBND huyện Y chỉ đạo các cơ quan cDên môn tham mưu trình UBND tỉnh và các cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định, lập phương án bổ sung kinh phí, chi trả tiền hỗ trợ ngừng sản xuất từ năm 2012-2016 đối với 11 hộ không thu hồi đất và đã được thông báo thu hồi đất năm 2011.

Ngày 02-10-2020, ông Nguyễn Tiến T có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu: hủy quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 01-10-2019 của Chủ tịch UBND Huyện Y, yêu cầu áp giá cây na là 43.000 đồng/1 cây như mức giá năm 2014; chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 2,5 lần giá đất nông nghiệp như đã công bố năm 2014; chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp như đã công bố năm 2014.

Ngày 04-5-2021, ông T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 675 ngày 31-3-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H và đưa Chủ tịch UBND tỉnh H tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện.

Người bị kiện trình bày:

Chủ tịch UBND huyện Y: không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, với lí do:

Đối với khiếu nại: về việc đề nghị được bồi thường thiệt hại do Công ty TNHH MTV nông trường 2-9 vi phạm hợp đồng, đề nghị được đền bù thời gian còn lại về đất khi nhà nước thu hồi đất khoán: căn cứ vào các hợp đồng giao khoán thì Công ty TNHH MTV 2/9 không vi phạm hợp đồng đã ký, việc ký hợp đồng giao khoán này là quan hệ dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính, không có cơ sở xem xét giải quyết.

Về yêu cầu áp giá cây Na là 43.000 đồng/1 cây như mức giá năm 2014: tại biên bản kiểm đếm ngày 06-9-2011 diện tích đất gia đình ông Nguyễn Tiến T bị thu hồi là 2.450,6 m^2 tài sản bị thu hồi trên đất là một số cây như sắn, ngô, vải, chè và 1733 cây na dai mới trồng. Thực tế cây na dai có kích thước nhỏ, độ cao trung bình 0,2 m đến 1 m, thân cây nhỏ (đường kính từ 0,5 cm - 1 cm); chưa đến giai đoạn trưởng thành; chưa cho thu hoạch; mật độ không đảm bảo theo hướng dẫn tại Công văn số 1088/SNN-BVTV ngày 15-9-2015 của Sở nông nghiệp & PTNT và đa phần là trồng xen dưới cây khác, nên Hội đồng bồi thường đã áp dụng đơn giá đối với cây na dai mới trồng dưới 1 năm theo đơn giá cây na dai trong vườn ươm 5.000 đồng/cây được quy định tại Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14-6-2016 của UBND tỉnh H.

Việc thay đổi giá cây na là do UBND tỉnh thay đổi giá cho phù hợp với chuyển biến của tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh H. Do đó khiếu nại yêu cầu áp giá cây Na là 43.000 đồng/1 cây là không có căn cứ.

Về mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp như đã công bố năm 2014.

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Ngày 25-9-2014 UBND tỉnh H ban hành quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H.

Ngày 12-5-2016, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND về việc sửa đổi khoản 3, Điều 15; khoản 1 Điều 16 quy dịnh về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H ban hành kèm theo quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014.

Căn cứ theo khoản 1, Điều 16 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh H đã được sửa đổi theo quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12-5-2016 của UBND tỉnh H. Việc yêu cầu bồi thường bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp là không có căn cứ.

Về yêu cầu mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp (hệ số 1) như đã công bố năm 2014.

Do một số nguyên nhân khách quan nên việc áp giá kéo dài đến năm 2016, năm 2011 thực hiện theo Quyết định 19 của UBND tỉnh, đến năm 2014 thực hiện theo quyết định số 24 ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh H, tại Quyết định số 24 như các hộ có ý kiến là mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp và mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp nhưng ngày 12-5-2016 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 16, sửa đổi khoản 3 Điều 15, khoản 1 Điều 16 Quyết định số 24 ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh H quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất *(có hiệu lực thi hành ngày 22/5/2016)* thì mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình bằng 1 lần giá đất nông nghiệp và mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 10% giá đất nông nghiệp. Do đó không có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu khiếu nại việc không được bồi thường thiệt hại do việc ngừng sản xuất của các lô đất trong năm 2011 đã được phê duyệt đo đạc, kiểm đếm dự án KCN L nhưng đến năm 2016 không được nhà nước thu hồi: khiếu nại trên là có cơ sở, đã được xem xét và giải quyết.

Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y là khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh H: nhất trí với ý kiến của UBND huyện Y và của Chủ tịch UBND huyện Y. Quyết định 692/QĐ-UBND ngày 31-3-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tiến T là khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ý kiến của UBND tỉnh H, UBND huyện Y: nhất trí với ý kiến của người bị kiện.

Ý kiến trình bày của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y: nhất trí với ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh H và Chủ tịch UBND huyện Y, các quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện Y và UBND tỉnh H là khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Ý kiến trình bày của Công ty TNHH MTV 2-9 H tại văn bản số 110/CV-Cty ngày 28/12/2020: khu công nghiệp L tại huyện Y được triển khai từ tháng 6/2011 trên diện tích đất do Công ty quản lý, quá trình thực hiện việc thu hồi đất Công ty đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Công ty đã thực hiện bàn giao toàn bộ diện tích đất nằm trong dự án khu công nghiệp L theo đúng tiến độ, đúng quy định.Việc công nhân lao động khởi kiện ra Tòa về việc bồi thường sẽ do Hội đồng GPMB và UBND huyện Y giải quyết.

Ý kiến trình bày của Bà Trần Thị A, Nguyễn Thị Thu B; Đoàn Thị C, Hứa Minh D: nhất trí với ý kiến của người khởi kiện.

Tại Bản án số 11/2021/HC-ST ngày 05-10-2021, Tòa án nhân dân tỉnh H đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, điều 194 Luật tố tụng hành chính; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại tố cáo; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-4-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến T về việc yêu cầu "Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1913/QĐ-UBND ngày 01-10-2019 của Chủ tịch UBND huyện Y và Quyết định giải quyết khiếu nại số 692/QĐ-UBND ngày 31-3-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H" do không có căn cứ pháp luật.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến T về việc yêu cầu "Buộc UBND huyện Ychấp nhận khiếu nại về mức áp giá cây na đã kiểm đếm năm 2011 được bồi thường với giá 43.000đ/cây, mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp, mức hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp" do không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05-10-2021, người khởi kiện là ông Nguyễn Tiến T có đơn kháng cáo đề nghị chấp nhận các yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện kháng cáo và người đại diện theo ủy quyền đề nghị chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của đương sự về 03 nội dung: về áp giá cây na, tăng mức hỗ trợ việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống do gia đình có diện tích đất bị thu hồi.

Người bị kiện vắng mặt và giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa, có ý kiến căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến T là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Về đối tượng khởi kiện: Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 01-10-2019 của Chủ tịch UBND Huyện Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tiến T, là quyết định hành chính của Chủ tịch UBND Huyện Y, tỉnh H giải quyết khiếu nại lần đầu về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; Quyết định 692/ ngày 31-3-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Tiến T là quyết định hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh H; việc ông T nộp đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định. Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lí, giải quyết vụ án là đúng.

[2]. Về nội dung:

Ông Nguyễn Tiến T khiếu nại 05 nội dung như đã trình bày. Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 1913/QĐ-UBND ngày 01-10-2019 của Chủ tịch UBND Huyện Y, tỉnh H và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 692 ngày 31-3-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H thừa nhận nội dung thứ 5, nội dung thứ nhất là quan hệ dân sự (hợp đồng giao khoán), không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính. Ông T nhất trí 2 nội dung này, chỉ đề nghị xem xét việc áp giá cây na; mức hỗ trợ tìm kiếm việc làm và mức hỗ trợ ổn định đời sống.

- Xét về giá cây na: diện tích đất hộ ông T bị thu hồi là 2450,6 m^2. Theo biên bản kiểm đếm ngày 05-9-2011 thì trên đất có các cây: sắn trồng tập trung, ngô, vải thiều và 1733 cây na dai mới trồng. Ông T cho rằng sau khi kiểm đếm Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đã công khai phương án bồi thường, đơn giá cây na là 30.000 đồng một cây. Khi thực hiện bồi thường thì giá cây na là 5.000 đồng/cây, đề nghị áp giá 43.000 đồng/1 cây; theo tài liệu có trong hồ sơ và ý kiến trình bày của người bị kiện tại phiên tòa sơ thẩm thì năm 2011 Hội đồng BTGPMB công khai phương án bồi thường về tài sản theo Quyết định số 19/2009 ngày 19/9/2011, xác định giá cây na trồng dưới 1 năm là 30.000 đồng/cây. Quyết định số 25/2014 ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh đã thay thế Quyết định 19/2009. Tại quyết định số 11/2016 ngày 14-6-2016 của UBND tỉnh đã bổ sung vào phụ lục nhóm cây ăn quả, quy định cây trong vườn ươm; cây na dai 5.000 đồng/cây.

Thực tế, cây na của hộ ông T đều là cây mới trồng, trồng xen với các cây khác, kích thước nhỏ, độ cao trung bình từ 0,2 đến 01 m, đường kính từ 0,5 cm đến 01 cm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tỉnh H cũng đã gửi văn bản

đề nghị Cục trồng trọt - Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn giải thích rõ hơn về quy định cây na trong vườn ươm. Tại văn bản số 51 ngày 22-6-2021 của Viện rau quả giải thích: thông thường cây từ 10 - 12 tháng có kích thước đường kính từ 0,5 đến 0,8 cm; chiều cao từ 35 đến 45 cm. Như vậy việc UBND áp giá cây na mới trồng 5.000 đồng/cây là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận giá 43.000 đồng/cây như yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Xét về mức hỗ trợ:

Tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014 của Chính phủ quy định: mức hỗ trợ cụ thể do UBND cấp tỉnh quy định căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương.

Tại khoản 3 Điều 15 Quyết định 24 ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh H quy định mức hỗ trợ ổn định đời sống là 100%; điểm b khoản 1 Điều 16 Quyết định nêu trên quy định mức hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề là 2,5 lần giá đất nông nghiệp.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định 16 ngày 12-5-2016 của UBND tỉnh H đã sửa đổi khoản 3 Điều 15; khoản 1 Điều 16 của Quyết định 24/1014 của UBND tỉnh. Quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề bằng 01 lần giá đất nông nghiệp, hỗ trợ ổn định đời sống bằng 10% giá đất nông nghiệp.

Việc thay đổi mức hỗ trợ này thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, được áp dụng trong toàn tỉnh, căn cứ vào điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh H. Hội đồng BTTĐC dự án khu công nghiệp L, Huyện Y áp dụng các quyết định nêu trên để hỗ trợ cho các hộ dân bị thu hồi đất là đúng pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện này của ông T và ý kiến đề nghị của người đại diện theo ủy quyền là không có căn cứ.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1, lần 2 được ban hành theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19-6-2015; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11-11-2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03-10-2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Sau khi UBND huyện Y, tỉnh H ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 23-12-2016 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế -xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng: xây dựng khu công nghiệp L (khu đất 77,4 ha) và Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 23-12-2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 4) dự án: xây dựng khu công nghiệp L (khu đất 77,4 ha), ông Nguyễn Tiến T có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh H. Chủ tịch UBND huyện Y đã thành lập đoàn thanh tra, căn cứ báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại số 34 ngày 25-9-2019 của Đoàn xác minh, căn cứ vào các quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu .Sau khi Chủ tịch UBND huyện Y trả lời khiếu nại, không nhất trí với quyết định trả lời khiếu nại ông T đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh H, Chủ tịch UBND tỉnh H đã giao Sở tài nguyên và

môi trường tỉnh H xác minh nội dung khiếu nại tại kết quả xác minh số 33 ngày 27-02-2020, căn cứ kết quả xác minh Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành quyết định trả lời khiếu nại lần 2 do Chủ tịch ký là đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, không có căn cứ để hủy các quyết định nêu trên.

- Xét các quyết định hành chính có liên quan:

Đối với Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 23-12-2016 của UBND huyện Y về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng: dự án xây dựng khu công nghiệp L (khu đất 77,4 ha) đã được UBND tỉnh H ủy quyền tại điểm b, khoản 3 Điều 29 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh H về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H), do đó UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất là đúng thẩm quyền.

Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 23-12-2016 của UBND huyện Y về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 4) dự án: dự án xây dựng khu công nghiệp L (khu đất 77,4 ha).

Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh H về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H;

Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh H về việc ban hành bộ đơn giá bồi thường đối với tài sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H.

Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12-5-2016 của UBND tỉnh H sửa đổi khoản 3 Điều 15, khoản 1 Điều 16 của Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014.

Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14-6-2016 của UBND tỉnh H về việc bổ sung vào mục IV nhóm cây ăn quả tại phụ lục IV đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014.

Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 02-6-2015 của UBND tỉnh H sửa đổi Điều 29 của Quyết định số 24 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H.

Xét các Quyết định trên được UBND tỉnh, UBND huyện ban hành là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hình thức theo quy định của pháp luật.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1913/QĐ-UBND ngày 01-10-2019 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 692/QĐ-UBND ngày 31-3-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H không thừa nhận nội khiếu nại của ông Nguyễn Tiến T về việc yêu cầu được áp giá cây na theo thời điểm năm 2014 với giá 43.000 đồng/cây, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với mức 2,5 lần giá đất nông nghiệp, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất cùng loại là đúng quy định của pháp

luật.

Với các lí do trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến T là đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T.

[3]. Về án phí: ông Nguyễn Tiến T phải nộp án phí theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Tiến T và giữ nguyên quyết định của Bản án số 11/2021/HC-ST ngày 05-10-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Ông Nguyễn Tiến T phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận ông Nguyễn Việt B đã nộp thay ông T số tiền trên vào ngày 12-10-2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H (Biên lai thu số 0000966).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THA dân sự tỉnh H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam